

Số: 918 /TB-ĐHTĐ

Cần Thơ, ngày 01 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 – Đợt bổ sung

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Kế hoạch số 1092/KH-ĐHTĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô về việc ban hành kế hoạch Tuyển sinh đại học chính quy năm 2025;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Tây Đô;

Nay, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Tây Đô thông báo tuyển sinh đại học chính quy đợt bổ sung năm 2025, cụ thể như sau:

I. Mã trường, mã xét tuyển, tên mã xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển

- Mã trường: **DTD**

- Danh mục mã xét tuyển, tên mã xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển:

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1	7850103	Quản lý đất đai	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Hóa học - Tin học (X10)
2	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01)
3	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Vật lí - Công nghệ công nghiệp (X07) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
4	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lí - Tin học (X06)
5	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Toán - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D84) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)
6	7210403	Thiết kế đồ họa	Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Địa lí - Tiếng Anh (D10) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Vật lí - Công nghệ công nghiệp (X07)
7	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)
8	7229030	Văn học	Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
9	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02)
10	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
11	7310630	Việt Nam học	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Lịch sử - Địa lí (A07) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78) Ngữ văn - Địa lí - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X74) Ngữ văn - Lịch sử - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X70)
12	7640101	Thú y	Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Địa lí (A06) Toán - Sinh học - Địa lí (B02) Ngữ văn - Toán - Hóa học (C02) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Toán - Sinh học - Tin học (X14) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
13	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01)
14	7340115	Marketing	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
15	7340120	Kinh doanh quốc tế	Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04)
16	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02)
17	7340301	Kế toán	Toán - Vật lí - Tin học (X06)
18	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
19	7810101	Du lịch	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04)
20	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Toán - Hóa - Tiếng Anh (D07) Toán - Lịch sử - Địa lí (A07) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14)
21	7810201	Quản trị khách sạn	Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Địa lí - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X21) Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X01) Toán - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25)
22	7480201	Công nghệ thông tin	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Vật lí - Công nghệ công nghiệp (X07) Toán - Tin học - Công nghệ công nghiệp (X56) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Toán - Sinh học - Tin học (X14) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
23	7720201	Dược học	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Ngữ Văn - Toán - Hóa học (C02) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Vật lí - Sinh học (A02)
24	7720301	Điều dưỡng	Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Sinh học - Ngữ văn (B03) Toán - Vật lí - Hóa học (A00)
25	7720401	Dinh dưỡng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08)

II. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

III. Phương thức xét tuyển

Trường Đại học Tây Đô sử dụng các phương thức xét tuyển, áp dụng chung cho tất cả các ngành Nhà trường đang tuyển sinh và đào tạo năm 2025, cụ thể như sau:

1. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Hình thức 1: Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTB (Điểm trung bình) cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}$$

Lưu ý: ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

- Hình thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 11 và cả năm lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với cách tính điểm xét tuyển như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}.$$

Trong đó:

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1}) \div 2.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2}) \div 2.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 2.$$

Lưu ý: ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

- Hình thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và cả năm lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với cách tính điểm xét tuyển như sau:

$ĐXT = ĐTB \text{ môn } 1 + ĐTB \text{ môn } 2 + ĐTB \text{ môn } 3.$

Trong đó:

$ĐTB \text{ Môn } 1 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ môn } 1 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ môn } 1 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 12 \text{ môn } 1) \div 3.$

$ĐTB \text{ Môn } 2 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ môn } 2 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ môn } 2 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 12 \text{ môn } 2) \div 3.$

$ĐTB \text{ Môn } 3 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ môn } 3 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ môn } 3 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 12 \text{ môn } 3) \div 3.$

Lưu ý: ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

2. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT

Trường Đại học Tây Đô sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 để xét tuyển cho tất cả các ngành.

3. Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy... do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển:

Trường Đại học Tây Đô sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 của Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh để xét tuyển.

4. Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.

IV. Thời gian, hình thức đăng ký xét tuyển:

- Thời gian đăng ký xét tuyển: từ ngày 01/9/2025 đến 17 giờ 00 ngày 15/9/2025.
- Hình thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Tây Đô (Số 68, Trần Chiên, P. Cái Răng, Tp. Cần Thơ) hoặc xét tuyển trực tuyến tại website: <https://ts.tdu.edu.vn/xet-tuyen>.

V. Thời gian công bố kết quả, dự kiến nhập học

- Thời gian công bố kết quả: dự kiến ngày 16/9/2025.
- Dự kiến nhập học đợt bổ sung: Ngày 23/9/2025.

VI. Chính sách học bổng, miễn giảm học phí dành cho tân sinh viên

1. Chính sách học bổng

a. Học bổng theo điểm:

- Học bổng 1.300.000 đồng: Trường hợp xét học bạ đạt tổng điểm xét tuyển từ 18 đến dưới 22 điểm hoặc xét điểm thi tốt nghiệp THPT từ 18 điểm đến 20 điểm.
- Học bổng 1.700.000 đồng: Trường hợp xét học bạ đạt tổng điểm xét tuyển từ 22 đến 26 điểm hoặc xét điểm thi tốt nghiệp THPT từ trên 20 điểm đến 24 điểm.
- Học bổng 2.500.000 đồng: Trường hợp xét học bạ đạt tổng điểm xét tuyển trên 26 điểm đến 28 điểm hoặc xét điểm thi tốt nghiệp THPT từ trên 24 điểm đến 27 điểm.
- Học bổng 5.000.000 đồng: Trường hợp xét học bạ đạt tổng điểm xét tuyển trên 28 điểm đến 29.5 điểm hoặc xét điểm thi tốt nghiệp THPT từ trên 27 điểm đến 28.5 điểm.
- Học bổng 10.000.000 đồng: Trường hợp xét học bạ đạt tổng điểm xét tuyển từ trên 29.5 điểm hoặc xét điểm thi tốt nghiệp THPT từ trên 28.5 điểm.

Nếu thí sinh đạt nhiều mức học bổng theo điểm chỉ tính mức học bổng cao nhất.

b. Chính sách học bổng theo hộ khẩu và trường THPT kết nghĩa:

- Học bổng 1.000.000 đồng cho thí sinh hộ khẩu tại Quận Cái Răng hoặc thí sinh học lớp 12 tại các trường thuộc Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
- Học bổng 1.000.000 đồng cho học sinh học lớp 12 tại các trường THPT kết nghĩa.

c. Các chính sách học bổng khác:

- Giảm 2.000.000 đồng cho tân sinh viên là con của người dân tộc ít người.
- Giảm 1.500.000 đồng cho tân sinh viên các ngành Dinh dưỡng, Kinh doanh quốc tế và Việt Nam học.

2. Chính sách miễn giảm học phí

Sinh viên, học sinh diện chính sách được giảm học phí như sau:

- Giảm 50% học phí đối với con liệt sĩ
- Giảm 30% học phí đối với con thương binh loại 1/4 và 2/4.
- Giảm 10% học phí đối với con thương binh loại 3/4.
- Giảm 30% học phí đối với con mồ côi cả cha lẫn mẹ, con mồ côi cha hoặc mẹ có sổ hộ nghèo.
- Giảm 20% học phí cho mỗi sinh viên đối với ông (bà) nội (ngoại)/cháu ruột; cha/con hoặc mẹ/con; vợ/chồng; anh/chị, em ruột cùng đang học tại trường.
- Giảm 20% học phí đối với con người dân tộc thiểu số có sổ hộ nghèo.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trường Đại học Tây Đô, 68 đường Trần Chiên, phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (0292) 3840666 – 3840222 – 3740768.

Hotline: 0939440579 – 0939028579. 

Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu VT:TC-HC.

